

## DROITS DE SCOLARITÉ et TARIFS – HOC PHÍ và PHÍ 2025/2026

### FRAIS DE SCOLARITE – HỌC PHÍ

	1 <sup>er</sup> trimestre Hoc kỳ 1 (40%)	2 <sup>ème</sup> trimestre Hoc kỳ 2 (30%)	3 <sup>ème</sup> trimestre Hoc kỳ 3 (30%)	Total annuel Cả năm
<b>MATERNELLE – MẪU GIÁO</b>				
Français - Pháp	1892 €	1419 €	1419 €	4730 €
Vietnamien – Việt Nam	2460 €	1845 €	1845 €	6150 €
Étranger tiers – Nước ngoài	2740 €	2055 €	2055 €	6850 €
<b>ÉLÉMENTAIRE – TIỂU HỌC</b>				
Français - Pháp	2096 €	1572 €	1572 €	5240 €
Vietnamien – Việt Nam	2636 €	1977 €	1977 €	6590 €
Étranger tiers – Nước ngoài	2992 €	2244 €	2244 €	7480 €
<b>COLLEGE – TRUNG HỌC CƠ SỞ</b>				
Français - Pháp	2428 €	1821 €	1821 €	6070 €
Vietnamien – Việt Nam	2980 €	2235 €	2235 €	7450 €
Étranger tiers – Nước ngoài	3336 €	2502 €	2502 €	8340 €
<b>LYCEE – TRUNG HỌC PHỔ THÔNG</b>				
Français - Pháp	2612 €	1959 €	1959 €	6530 €
Vietnamien – Việt Nam	3204 €	2403 €	2403 €	8010 €
Étranger tiers – Nước ngoài	3512 €	2634 €	2634 €	8780 €

### FRAIS D'INSCRIPTION – PHÍ GHI DANH

	Première inscription Ghi danh lần đầu	Réinscription Ghi danh lại
Français - Pháp	500 €	150 €
Vietnamien – Việt Nam	1200 €	200 €
Étranger tiers – Nước ngoài	1200 €	200 €

## EXAMENS – CÁC KỲ THI

Diplôme National du Brevet (DNB) – Tốt nghiệp THCS :	45 €
Epreuves anticipées de Première – Tú tài bán phần lớp 11 :	70 €
Baccalauréat – Tú tài :	240 €

## RESTAURATION - DỊCH VỤ ĂN TRƯA

Restauration au forfait pour les élèves de maternelle et l'élémentaire.

Bữa ăn đăng ký theo học kỳ dành cho học sinh mẫu giáo và tiểu học.

	1 <sup>er</sup> trimestre Học kỳ 1 (40%)	2 <sup>ème</sup> trimestre Học kỳ 2 (30%)	3 <sup>ème</sup> trimestre Học kỳ 3 (30%)	Total annuel Cả năm
Maternelle Mẫu giáo	177,20 €	132,90 €	132,90 €	443 €
Elémentaire Tiểu học	192 €	144 €	144 €	480 €

Restauration à la carte digitalisée pour les élèves du secondaire et les personnels.

Bữa ăn trả bằng thẻ dành cho học sinh trung học, giáo viên và cán bộ nhân viên.

Set repas – bữa ăn đủ món	87.000 VND
Snack – bữa ăn nhanh	67.000 VND

## ACTIVITES EXTRASCOLAIRES – NGOẠI KHÓA (Forfait annuel – Tính theo năm học)

1 activité par semaine – 1 môn/tuần : 150 €

1 activité par semaine : Master chef – 1 môn/tuần : Làm bếp : 160 €

1 activité par semaine : Théâtre – 1 môn/tuần : Kịch sân khấu : 200 € (engagement à l'année – cam kết học cả năm)

1 activité par semaine : Natation – 1 môn/tuần : Bơi : 380 €

## ASSOCIATION SPORTIVE – HỘI THỂ THAO (Forfait annuel - Tính theo năm học) : 80€/activité (mỗi môn)

**NB :** Les frais des activités extrascolaires sont susceptibles de changer à partir de septembre 2025.

**LƯU Ý :** Học phí ngoại khóa có thể sẽ thay đổi từ tháng 9/2025.

## AUTRES TARIFS – CÁC LOẠI PHÍ KHÁC

Livre de l'année – Sổ lưu niệm ảnh : 6€ et autre livre – và ấn phẩm khác : prix d'achat – theo giá thời điểm

Adhésion à l'assurance de maladie selon le barème établi par l'État vietnamien au 1er septembre (part famille) appliquée uniquement aux élèves de nationalité vietnamienne – Bảo hiểm y tế theo mức đóng do Cơ quan nhà nước Việt Nam quy định vào ngày 1 tháng 9 áp dụng cho học sinh quốc tịch Việt Nam

### **AUTRES AMENDES DEGRADATIONS ET/OU PERTES – CÁC LOẠI PHÍ PHẠT ĐỀN**

Manuel scolaire – Sách giáo khoa (tính theo 1 đơn vị) : 30 €

Livre et ou magazine – Sách truyện hoặc tạp chí (tính theo 1 đơn vị) : 20 €

Perte de carte d'ascenseur – Thẻ thang máy (tính theo 1 đơn vị) : 5 €

Perte de cadenas – Khóa tủ cá nhân (tính theo 1 đơn vị) : 5 €

Perte de carnet de correspondance – Sổ liên lạc (tính theo 1 đơn vị) : 5 €

Amende pour non-respect des horaires de récupération des enfants selon le Règlement intérieur – Phạt vì lý do không tuân thủ giờ đón học sinh theo Nội quy : 50 €

Autre matériel : prix de remplacement ou de la réparation – Vật tư khác : theo giá trị thay thế hoặc sửa chữa